

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T2
TỈNH T3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS – ST

Ngày: 10 – 9 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T2, TỈNH T3

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tấn

2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3.

- Đại diện VKSND huyện T2, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2019/TLST – HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Thanh M – Sinh ngày: 03/10/1983 tại xã L, huyện N1, tỉnh N; HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Cát Vinh, xã L, huyện N1, tỉnh N; Nghề nghiệp: Thợ vận hành và sửa chữa máy; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn X – Sinh năm: 1954 và bà: Trần Thị P – Sinh năm: 1957; Có vợ: Chu Thị Thu H – Sinh năm: 1988; Có 02 con: lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 08/7/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” – Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Đăng T – Sinh năm: 1957 (Chết)

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Bà Nguyễn Thị T1 – Sinh năm: 1960 (Vợ ông T); Địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện T2, tỉnh T3 (Có mặt)

- Người có quyền lợi liên quan: Bà Lê Thị H2 – Sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Y, huyện T2, tỉnh T3 (Có mặt)

- Người làm chứng:

Nguyễn Văn Đ – Sinh năm : 1989; Trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh T3 (Vắng mặt)

Nguyễn Văn Q – Sinh năm: 1995; Trú tại: Thôn S, xã H1, huyện T2, tỉnh T3 (Vắng mặt)

Vi Huy C – Sinh năm: 1981; Trú tại: Thôn Z, xã Z1, huyện O, tỉnh B (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h 10/5/2019, Đỗ Thanh M có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 hợp lệ điều khiển xe mô tô BKS: 36K5 – 3442 thuộc sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị H2 – Sinh năm 1966 (trú tại Tiểu khu C, thị trấn Y, huyện T2, tỉnh T3) chở phía sau anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1989 (trú tại Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh T3) lưu thông trên tuyến đường 513 theo hướng quốc lộ 1A đi UBND xã HH. Khi đi đến Km8+500 thuộc địa phận thôn Liên Trung, xã H1, huyện T2, tỉnh T3, đây là đoạn đường có mặt đường rải nhựa bằng phẳng, có dải phân cách cố định và vạch sơn phân chia phần đường, làn đường. Lúc này, trời sáng, thời tiết khô ráo, M điều khiển xe mô tô đi trên làn đường dành cho xe cơ giới tiếp giáp với làn đường dành cho xe thô sơ, M vừa điều khiển xe vừa nói chuyện với anh Đ nên đã không quan sát thấy ông Nguyễn Đăng T – Sinh năm 1957 (trú tại Thôn L1, xã H1, huyện T2) đang đi bộ để sang đường theo hướng Đông – Tây. Phát hiện ông T đang sang đường thì M đã đánh lái xe mô tô sang bên phải theo chiều đi của mình để tránh, nhưng do khoảng cách gần nên đã va chạm với ông T làm ông T ngã đập đầu xuống đường. Hậu quả: ông Nguyễn Đăng T bị thương nặng và được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Nhưng do vết thương quá nặng nên đến 14h05' phút ngày 11/5/2019, ông T tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, M đã điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn Đ bỏ trốn khỏi hiện trường. Đến ngày 18h45' ngày 11/5/2019 thì M đến cơ quan CSĐT công an huyện T2 đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận giám định số: 1214/GĐPY – PC09 ngày 15/5/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T3 kết luận: Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Đăng T là vỡ xương hộp sọ, tụ máu dưới màng cứng, tụ máu màng mềm, phù não.

Tại bản kết luận giám định số 1458/PC09 ngày 31/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T3 kết luận:

1. Vết xây xước da, bầm tụ máu tại mặt sau ngoài 1/3 trên đùi phải nạn nhân Nguyễn Đăng T phù hợp do va chạm với mặt trước ngoài tay nắm bên trái đến mặt trước ngoài ốp gương chiếu hậu bên trái xe mô tô BKS: 36K5 – 3442

2. Tại thời điểm xảy ra va chạm xe mô tô BKS: 36K5 – 3442 ở bên phải và có hướng cùng chiều, từ sau về trước so với nạn nhân Nguyễn Đăng T.

3. Không đủ cơ sở xác định phần đường, làn đường tại thời điểm va chạm.

4. Không đủ cơ sở xác định vận tốc của xe mô tô BKS: 36K5 – 3442 tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) xe mô tô BKS: 36K5 – 3442, nhãn hiệu SUZUKI Smash, màu xanh, số khung BE49L040142281, số máy E432VN142281, xe đã qua sử dụng. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án,

CQĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị H2 – Sinh năm 1966 (trú tại Tiểu khu C, thị trấn Y, huyện T2, tỉnh T3).

Về bồi thường dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, đại diện gia đình bị cáo Đỗ Thanh M đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Đăng T số tiền 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng). Đại diện gia đình nạn nhân cũng đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Thanh M.

Bản cáo trạng số 79/CTr – VKS – HS ngày 05/8/2019 của VKSND huyện T2, tỉnh T3 đã truy tố Đỗ Thanh M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thanh M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu.

**Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện T2 giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:*

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Đỗ Thanh M là 36 tháng tù **nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

- Về phần dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận phần thỏa thuận bồi thường giữa đại diện gia đình bị cáo với gia đình người bị hại số tiền 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc CQĐT Công an huyện T2 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị H2 – Sinh năm 1966 (trú tại Tiểu khu C, thị trấn Y, huyện T2, tỉnh T3) 01 xe mô tô BKS: 36K5 – 3442, nhãn hiệu SUZUKI Smash, màu xanh.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thống nhất với tội danh mà VKSND huyện T2 truy tố, không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Đỗ Thanh M khai nhận: Khoảng 15h ngày 10/5/2019, Đỗ Thanh M có giấy phép lái xe mô tô hàng

A1 hợp lệ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 36K5 – 3442, chở phía sau là anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1989 (trú tại Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh T3). Khi đi đến Km8 + 500 thuộc địa phận thôn Liên Trung, xã H1, huyện T2, tỉnh T3, do không giảm tốc độ (có thể dừng lại một cách an toàn) khi có người đi bộ sang đường, bị cáo lại vừa điều khiển xe vừa nói chuyện với anh Đ nên đã va chạm với người đi bộ đang sang đường là ông Nguyễn Đăng T – Sinh năm 1957 (trú tại Thôn L1, xã H1, huyện T2). Hậu quả làm ông T bị thương và tử vong sau đó. Sau khi tai nạn xảy ra, Đỗ Thanh M đã điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm. Đến 18h45’ ngày 11/5/2019, M đã đến cơ quan CSĐT công an huyện T2 đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 8 Luật giao thông đường bộ, quy định “Các hành vi bị cấm”: “.....17. *Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm*” và Điều 5 Thông tư 91/2015/TT – BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải, quy định “Các trường hợp giảm tốc độ”: “.....6. *Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường*”.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai tại CQĐT, phù hợp với lời khai đại diện hợp pháp của người bị hại và của những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Đỗ Thanh M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh T3 đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ. Do không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tham gia giao thông đường bộ nên đã gây ra tai nạn nghiêm trọng làm ông Nguyễn Đăng T tử vong, gây mất mát đau thương cho thân nhân người bị hại. Sau khi tai nạn xảy ra, một phần do hoang mang, lo sợ và mất bình tĩnh, một phần cũng do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi hiện trường, gây khó khăn cho công tác điều tra tội phạm của CQĐT Công an huyện T2. Hành vi của bị cáo đã bị định khung ở điểm c khoản 2 Điều 260 BLHS năm 2015. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Song cũng cần xem xét đến một phần lỗi do người bị hại đã không quan sát kỹ trước khi qua đường

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo Đỗ Thanh M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Sau khi ra đầu thú, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình người bị hại. Đại diện gia đình bị hại cũng đã có đơn đề nghị miễn truy cứu TNHS đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố đã từng tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam và được Nhà nước phong tặng nhiều huân, huy chương cao quý. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Hoàn cảnh gia đình bị cáo lại khó khăn, bị cáo có 02 con nhỏ, vợ bị cáo bị bệnh tim đang trong quá trình theo dõi, điều trị.

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo nêu trên, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Đỗ Thanh M có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có thể tự cải tạo mà không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội nên chỉ cần áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T2 tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo và đại diện gia đình người bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc CQĐT Công an huyện T2 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị H2 – Sinh năm 1966 (trú tại Tiểu khu C, thị trấn Y, huyện T2, tỉnh T3) 01 xe mô tô BKS: 36K5 – 3442, nhãn hiệu SUZUKI Smash, màu xanh. Bà Hồng đã nhận lại xe, không có ý kiến đề nghị bồi thường liên quan đến chiếc xe máy nêu trên.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Đỗ Thanh M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Thanh M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- **Xử phạt:** Đỗ Thanh M 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện N1, tỉnh N để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo và đại diện gia đình người bị hại.

- **Án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Đỗ Thanh M phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T3;
- VKSND tỉnh T3
- VKSND huyện T2;
- Công an huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga